



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

## HAIPHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lôi - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng - Việt Nam

ĐT: 0225.3856 209 \* Fax: 0225.3785759 \* Email: dnc@diennuochp.com.vn \* Website: www.diennuochp.com.vn \* Mã chứng khoán: DNC

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG NĂM BÁO CÁO 2018

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Thông tin khái quát

- TÊN GIAO DỊCH: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
- TÊN VIẾT TẮT: DNC
- GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ: 0200155561 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 07/12/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11.
- VỐN ĐIỀU LỆ: 41.103.200.000 đồng (Bốn mươi một tỷ một trăm linh ba triệu hai trăm ngàn đồng)
- VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: 41.103.200.000 đồng (Bốn mươi một tỷ một trăm linh ba triệu hai trăm ngàn đồng)
- ĐỊA CHỈ: Số 34 đường Thiên Lôi, quận Lê Chân - TP. Hải Phòng
- ĐIỆN THOẠI: (84-0225) 3.856.209
- FAX: (84-0225) 3.785.759
- WEBSITE: [www.diennuochp.com.vn](http://www.diennuochp.com.vn)
- MÃ CHỨNG KHOÁN: **DNC** (Cổ phiếu phổ thông)

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng trước đây là Công ty Điện nước lắp máy, tiền thân là Đội điện nước lắp máy có nhiệm vụ lắp đặt điện nước cho các công trình.

Năm 2005 thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 14 tháng 03, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 392/QĐ-UB phê duyệt phương án cổ phần hoá chuyển Công ty Điện nước lắp máy thành Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng.

Tại thời điểm 23/12/2009 công ty đã chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/10/2005 và thay đổi đăng ký lần thứ 11 vào ngày 07/12/2018, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trong 03 lĩnh vực chính là:

- Truyền tải và phân phối bán lẻ điện
- Khai thác, xử lý và phân phối bán lẻ nước sạch
- Thi công xây lắp xây dựng các công trình điện, nước.

- Địa điểm hoạt động của Công ty gồm:

- TRỤ SỞ CÔNG TY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng.

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN AN DƯƠNG

Địa chỉ: Xã An Đồng, huyện An Dương, TP.Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN VĨNH BẢO

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niêm yết, được chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%

**Đại hội đồng cổ đông:**

**Hội đồng quản trị:**

**Ban Kiểm soát:**

**Ban Tổng Giám đốc:**

**Các Phòng Ban chức năng và các đơn vị trực thuộc:**

✓ Các Phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh: Thực hiện các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ đầu vào và quản lý, theo dõi các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phát triển, mở rộng khách hàng và phạm vi cung cấp. Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý Hành chính, Tổ chức, Lao động, Tiền lương.
- Phòng Tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Các Xí nghiệp trực thuộc: Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.
- ✓ Các Ban Quản lý điện và các Đội kỹ thuật, Đội xây dựng:

### **Định hướng phát triển**

**3.1.** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2019

#### **3.1.1. Các chỉ tiêu kinh tế:**

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng (KWh)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ lệ Tổng thất (%)
<b>A</b>	<b>Tổng sản lượng, doanh thu</b>	<b>154.000.000</b>	<b>305.000</b>	
I	Kinh doanh Điện	154.000.000	296.500	5,2%
1	XN điện An Dương	83.950.000	173.450	5,0%
2	XN điện Thủy Nguyên	36.000.000	63.550	6,5%
3	XN điện Vĩnh Bảo	34.050.000	59.500	5,4%
II	Kinh doanh nước	240.000	3.500	
III	Kinh doanh khác		5.000	
<b>B</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>16.500 triệu đồng</b>		
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.300 triệu đồng		
D	Lợi nhuận sau thuế	13.200 triệu đồng		
E	Tỷ lệ chia cổ tức	≥ 20%		
F	Lương bình quân	8.700.000 đồng/ng/th		

\* Triển khai các dự án đầu tư:

1. Thực hiện Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 34-Đường Thiên Lôi:

2. Tiếp nhận hệ thống điện tại các khu dự án và các khu đô thị

\* Công tác cải tạo, sửa chữa hệ thống lưới điện:

1. Xây dựng trạm biến áp

+ Xây dựng mới 06 TBA công suất 560KVA.

+ Nâng công suất 03 trạm biến áp

2. Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế, tập trung chủ yếu vào các xã có phụ tải sử dụng điện tăng nhanh, thuộc huyện An Dương và Thủy Nguyên: Số lượng dự kiến từ 15-20 KM.

3. Phát triển khách hàng mới: 1.750 hộ.

4. Thay thế, kiểm định lại hệ thống công tơ 3fa và 1 fa dự kiến: 3.500 cái.

### **3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn ( 2019-2023)**

#### **4.2.1. Mục tiêu**

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy tối ưu nguồn lực sẵn có để duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 10 - 15%.
- Tập trung củng cố, phát triển lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là lĩnh vực kinh doanh điện. Đầu tư cải tạo, ổn định hệ thống lưới điện, phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, thực hiện các chương trình tiết kiệm trong quản lý, phân phối và bán lẻ điện.
- Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn kinh doanh.

#### **4.2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Vốn điều lệ	41.103	41.103	50.000	50.000	60.000
2. Doanh thu	305.000	350.000	395.000	445.000	500.000
- Kinh doanh điện	296.500	340.000	384.200	434.000	489.000

- Kinh doanh nước	3.500	5.000	5.800	6.300	7.000
- Kinh doanh khác	5.000	5.000	5.000	4.700	4.000
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	16.500	17.800	20.000	22.000	24.000
4. Thu nhập bình quân (đ/ng/th)	8.700.000	9.100.000	9.700.000	10.500.000	11.300.000
5. Tỷ lệ trả cổ tức	≥20%	≥20%	≥18%	≥18%	≥18%

### 4.2.3. Kế hoạch triển khai các dự án đầu tư.

1. Phát triển thị trường kinh doanh điện, phát triển khách hàng
2. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 34-Đường Thiên Lô, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng:

## 4. Các rủi ro

### Rủi ro về kinh tế

Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của một doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao tạo nhiều cơ hội cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

### Rủi ro đặc thù

Nguyên vật liệu chính của sản phẩm dây cáp điện là kim loại đồng và nhôm. Sự biến động của giá đồng, nhôm trên thế giới ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Trong lĩnh vực xây lắp, quá trình thi công xây dựng công thường kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu mất nhiều thời gian. Ngoài ra việc thanh toán của chủ đầu tư rất chậm trong khi giá nguyên vật liệu xây dựng trong thời gian qua tăng đột biến, các tiêu chuẩn định mức dự toán thường lạc hậu không theo kịp sự phát triển, những điều đó có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty hiện nay là: Kinh doanh điện, nước, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

Cơ cấu tổ chức lao động hiện nay do đặc thù kinh doanh Công ty bố trí, sắp xếp lại các đơn vị, bố trí lại cán bộ. Các đơn vị trong Công ty bao gồm 2 xí nghiệp điện, 01 xí nghiệp xây dựng điện nước, phòng kinh doanh, phòng kế toán với số lao động hiện nay 110 người.

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Doanh thu bán hàng: 286.619.672.879 đ
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 15.703.328.751 đ
- Lợi nhuận khác: 3.951.851.509 đ
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 19.655.180.260 đ

Các chỉ tiêu so với kế hoạch đều đạt chỉ tiêu.

+ Chỉ tiêu về lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra.

+ Sản lượng điện tiêu thụ năm 2018 đạt 138,5 triệu KWh, tăng so với 2017 là 12%.

+ Doanh thu đạt 286.619.672.879 đ tăng 49% so với năm 2017.

Có được kết quả trên là do sự lãnh đạo đúng hướng của HĐQT, ban giám đốc và của tập thể cán bộ CNV Công ty.

### **2. Tổ chức và nhân sự**

#### **2.1 Ban điều hành**

+ Tổng giám đốc: Đỗ Huy Đạt - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 970.683 CP

+ Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng: Lê Hữu Cảnh - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 509.980 CP

+ Phó tổng giám đốc: Nguyễn Văn Thao số cổ phần nắm giữ: 50.023 CP

#### **2.2 Số lượng lao động và chính sách với người lao động**

+ Số lượng cán bộ công nhân viên: 110 người trong đó:

Trình độ đại học và trên đại học: 32 người

Cao đẳng, trung cấp: 15 người

Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông: 63 người

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động luôn được thực hiện tốt:

Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thưởng kịp thời đúng chế độ. Tất cả lao động của Công ty đều được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định của Nhà Nước.

Công tác bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động cũng được chú trọng thực hiện. Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty và tổ chức các hội nghị biểu dương con em cán bộ CNV có thành tích xuất sắc trong học tập, các chương trình tham quan du lịch hè đều được tổ chức.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

+ Trong năm 2018 Công ty xây dựng 09 trạm biến áp tại xí nghiệp điện An Dương, kết hợp với các điện lực xây dựng mới 14 trạm biến áp, nâng công suất được 10 TBA.

#### **\* Công suất năm 2018 tăng so với năm 2017: 11.330 KVA**

+ Thay định kỳ, kiểm định lại công tơ tại các xã trên địa bàn kinh doanh:

- Tổng số công tơ đã thay định kỳ năm 2018 là 12.625 công tơ cả 1 pha và 3 pha.

+ Lắp phát sinh công tơ: 2.580 cái

+ Bổ sung, thay thế hệ thống dây đường trục : 38,2 Km;

+ Toàn bộ hệ thống lưới điện và trạm biến áp của Công ty đảm bảo vận hành an toàn, đảm bảo chất lượng điện cung cấp và phụ tải sử dụng.

- Các công tác sửa chữa, duy tu bảo dưỡng, khắc phục sự cố, chống tổn thất đường dây và trạm biến áp, công ty luôn có kế hoạch thực hiện và khắc phục trong thời gian sớm nhất.

- Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng điện của khách hàng, công tơ đo đếm và áp giá bán điện đúng mục đích.

#### **Công tác tiếp nhận, tổ chức quản lý điện tại các khu dự án:**

- Tiếp nhận hệ thống lưới điện của các dự án, đóng điện đưa vào vận hành kinh doanh bán điện: Hệ thống điện tòa nhà SHP, khu dự án nhà ở Him Lam, khu tái định cư Vsip xã lập Lễ, trạm biến áp hạ đoạn, trạm biến áp của Công ty TNHH Minh Phúc thuộc xã Hòa Bình.

**Công tác khác:** Công ty đã hoàn thiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Tân Liên, Vĩnh Bảo, thu hồi vốn tập trung đầu tư, phát triển kinh doanh điện, nước.

- Kiểm tra thống kê dữ liệu của khách hàng và cập nhật dữ liệu phục vụ dự án nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng và quản trị Công ty.

#### 4. Tình hình tài chính.

##### 4.1. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2017 và 2018 đã được kiểm toán, tình hình Tài chính của Công ty thể hiện như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	83.504	77.149	92,4
2	Doanh thu thuần	218.401	286.620	131,2
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.507	15.703	125,55
4	Lợi nhuận khác	638	3.952	619,4
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	13.146	19.655	149,5
6	Lợi nhuận sau thuế	10.497	15.671	149,3
7	Tỷ lệ trả cổ tức	20%	20%	

##### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,95	1,7
	Hệ số thanh toán nhanh	0,57	1,35
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	52%	33%
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	110%	50%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay vốn lưu động	4,9	6,51
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,62	3,72
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		



	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,8%	5,5%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27,9%	30,5%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,6%	20,3%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần.	5,7%	5,5%

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu

#### a) cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.110.320 cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: 4.110.320 cổ phần

#### 5.2 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 08/3/2019 cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Tổng số cổ đông	124	4.110.320	100%
	- Cổ đông lớn	5	2.966.092	72,2%
	- Cổ đông trong nước	117	3.840.259	93,3%
	- Cổ đông nước ngoài	1	12	
	- Cổ đông tổ chức trong nước	3	263.623	6,4%
	- Cổ đông tổ chức nước ngoài	3	6.426	0,15%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2018 vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng Công ty cũng đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đã đề ra đảm bảo vượt mức tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông.

Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, nội bộ công ty luôn giữ tinh thần đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ nhau trong công tác.

Công tác kinh doanh điện mang lại lợi nhuận cao, giảm tỷ lệ tổn thất điện năng.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp chính quyền địa phương và đặc biệt là sự tin tưởng ủng hộ của nhân dân trên địa bàn công ty kinh doanh.

Thị trường ngày càng mở rộng, đầu tư lưới điện nông thôn mở rộng địa bàn kinh doanh phát triển dài hạn cho những năm tiếp theo.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1 Phân tích tình hình tài sản**

Năm 2018 tình hình Tài chính của Công ty rất ổn định, Trong năm tài chính năm 2018 Công ty không phát sinh nợ xấu.

### **2.2 Phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán**

Với tính chất và ngành nghề Kinh doanh ổn định vì vậy Khả năng sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là tốt, năm sau cao hơn năm trước.

Khả năng thanh toán nhanh và rất được đảm bảo.

Năm 2018 đạt vượt kết quả vượt chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

## **IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty về hoạt động của ban giám đốc Công ty

- + Thực hiện công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý. Đó là công tác điều hành, quản trị của Công ty, công tác theo dõi hoạt động nội bộ, giám sát việc thực hiện các cơ chế giao khoán đối với các cá nhân, đơn vị trực thuộc.
- + Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT, luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ

trương, chính sách định hướng cho Ban điều hành công ty thực hiện đã đạt được một số kết quả mang lại lợi nhuận cho Công ty.

- + HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực phấn đấu hết mình của toàn thể CBCNV trong năm qua, nhất là việc tập trung quản lý giảm tổn thất tăng doanh thu.
- + HĐQT nhận định rằng Ban giám đốc đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ của mình để có được kết quả kinh doanh. Đánh giá cao Ban giám đốc đã xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có ý thức, trách nhiệm trong công việc tạo dựng được sự đoàn kết hỗ trợ để cùng phát triển công ty.

Năm 2018 hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

## 2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, quy chế quản lý và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Thống nhất ý kiến của các thành viên để chỉ đạo Tổng giám đốc và ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD và các hoạt động đầu tư của Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty.
- Huy động mọi nguồn lực để thực hiện mục tiêu chiến lược của Công ty, tăng cường công tác quan hệ để củng cố và mở rộng thị trường, nắm bắt kịp thời và nhạy bén những chính sách vĩ mô của Nhà nước để bổ sung kịp thời cho công tác quản lý vận hành.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy giúp việc, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty, đưa ra các biện pháp đột phá trong quản lý, phát huy tính tự chủ của cán bộ trong hoạt động SXKD. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng

trình độ quản lý, trình độ chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên trong Công ty. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch SXKD và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

1) Ông Nguyễn Trung Kiên – Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Kiên sinh năm 1961. Là Thạc sỹ Kinh tế , với kinh nghiệm của mình ông đang giữ chức Phó tổng giám đốc tài chính công ty Nhựa Tiền Phong.

Hiện nay ông Nguyễn Trung Kiên là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty CP Điện nước lắp máy Hải Phòng.

Ông sở hữu 938.028 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

2) Ông Đỗ Huy Đạt – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt sinh năm 1958. Ông là Kỹ sư địa chất công trình, cử nhân kinh tế.

Ông đã từng giữ các chức vụ Phó giám đốc Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng HP từ năm 1998 – 2003. Phó giám đốc điều hành Công ty Điện nước lắp máy Hải Phòng từ năm 2004 – 2005.

Hiện nay ông là Tổng giám đốc công ty và thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Ông sở hữu 970.683 cổ phiếu DNC.

3) Ông Lê Hữu Cảnh – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Lê Hữu Cảnh sinh năm 1964. Với trình độ Kỹ sư kinh tế ông đã trải qua nhiều chức vụ kế toán trưởng , phó tổng giám đốc công ty.

Hiện nay ông Lê Hữu Cảnh đảm nhận chức vụ Phó tổng giám đốc công ty , kế toán trưởng ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty CP điện nước lắp máy Hải phòng.

Ông sở hữu 509.980 cổ phiếu DNC.

4) Bà Vũ Thị Lương Dung - Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Vũ Thị Lương Dung sinh năm 1975 là Thạc sỹ Kinh tế, đã từng giữ chức phó giám đốc xí nghiệp Xây dựng, Phó phòng kinh doanh.

Hiện nay bà là Giám đốc kinh doanh , ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng,

Bà sở hữu 6.538 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

5) Bà Lại Thị Vinh –Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Lại Thị Vinh sinh năm 1965 là Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Kế toán trưởng, đã từng giữ chức chuyên viên CNK Chi nhánh Tổng Công ty Da giày Việt Nam tại Hải Phòng; chuyên viên kinh doanh, Phó phòng Kinh doanh Công ty Liên doanh Gia công thép VINANIC; Phó giám đốc Chi nhánh Công ty Kim khí Hà Nội tại Hải Phòng; Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV kinh doanh dầu khí Việt Hải.

Hiện nay bà là Trưởng ban kiểm soát Công ty CP tư vấn thiết kế và giám định Sao Việt, Kế toán trưởng Công ty CP vận tải Biển Bắc, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng.

Bà sở hữu 31.279 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

\* Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2018 Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 phiên họp để triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và 01 phiên họp chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

### **1.1 Phiên họp hội đồng quản trị ngày 07/3/2018**

Thành phần: các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát  
Nội dung cuộc họp:

a) Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch quý I/2018:

Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Hội đồng quản trị đưa ra một số việc còn tồn tại như: tổn thất điện năng tại xã Lập Lễ còn cao, phải tập trung cho công tác đầu tư lưới điện đảm bảo đủ nguồn để cung cấp cho khách hàng và một số giải pháp để giảm tổn thất điện năng.

- HĐQT thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2018 với một số chỉ tiêu chính như sau: Doanh thu 250 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 14,5 tỷ đồng, chia cổ tức > 19% và nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống điện: 11 tỷ đồng

- HĐQT nhất trí các công tác đầu tư, xây dựng và cải tạo lưới điện của kế hoạch quý 1 năm 2018. Nhất trí với các công tác quản lý vận hành và công tác tổ chức:

+ Rà soát điều chỉnh tiền lương, cơ chế khoán cho các bộ phận, cán bộ CNV từ tháng 1/2018.

+ Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát hoạt động của các đơn vị trong lĩnh vực hoạt động điện lực

- Một số trạm vẫn còn tổn thất cao nghiêm cứu, khảo sát do thiết bị hay do khoảng cách dân cư để đầu tư cải tạo, xây dựng trạm biến áp, nâng công suất trạm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của khách hàng.

## **1.2 Phiên họp hội đồng quản trị ngày 27/4/2018**

Thành phần: các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát

Nội dung cuộc họp:

- Xem xét kết quả sản xuất kinh doanh quý 1, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2018. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong việc đạt chỉ tiêu doanh thu đề ra.
- HĐQT đưa ra phương hướng giải quyết một số tồn tại: về thu hồi công nợ, hồ sơ quản lý khách hàng. Về tỷ lệ tổn thất mặc dù đã giảm tỷ lệ so với kế hoạch nhưng công tác đầu tư xây dựng trạm rất lớn vậy cần có phương án khắc phục triệt để các trạm vẫn còn tổn thất cao.
- HĐQT nhất trí kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2018.
- Kiểm tra, rà soát hệ thống cột điện tại các xã, xử lý khắc phục các cột hư hỏng, xuống cấp.
  - + Nghiên cứu đầu tư xây dựng thêm các trạm biến áp tại các xã các trạm biến áp quá tải về công suất
  - + Đầu tư, sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế, san tải cho các trạm
  - + Đầu tư xây dựng kho để vật tư của Công ty.
  - + Xin mặt bằng đầu tư xây dựng văn phòng quản lý.
  - + Đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
  - + Hội đồng quản trị nhất trí 100% bổ nhiệm đồng chí Đỗ Huy Đạt Đạt giữ chức Tổng giám đốc công ty thêm 01 nhiệm kỳ (3 năm).
  - + Đào tạo lớp trẻ để kế nhiệm cán bộ chủ chốt của Công ty.

### **1.3 Phiên họp hội đồng quản trị ngày 09/8/2018**

Thành phần: các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, giám đốc xí nghiệp điện Vĩnh Bảo

Nội dung cuộc họp:

- Xem xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018. Qua số liệu báo cáo Hội đồng quản trị nhất trí với kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng, doanh thu đạt 123 tỷ, lợi nhuận trước thuế 8,6 tỷ đồng. Tỷ lệ tổn thất điện năng đạt 5,5%.
- Hội đồng quản trị nhất trí với các số liệu báo cáo về công tác đầu tư, công tác quản lý tuy nhiên công tác chống tổn thất vẫn chưa đạt hiệu quả cao, một số trạm biến áp vẫn còn tổn thất cao >7,5%.
- Cần phối kết hợp với các Điện lực trong quá trình xử lý các công việc, giải quyết sự cố về máy biến áp và các thiết bị để khắc phục kịp thời tình trạng mất điện kéo dài ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân
- Hội đồng quản trị nhất trí với kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2018.
- + Nhất trí việc tiếp nhận và quản lý các hệ thống điện, nước tại các khu dự án.
- + Nhất trí triển khai và xây dựng bổ sung các trạm biến áp, bổ sung hệ thống đường trục đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện cho các hộ dân.
- + Nhất trí với các công tác duy tu bảo dưỡng các trạm biến áp.
- Một số trạm vẫn còn tổn thất cao vượt chỉ tiêu về tổn thất, nguyên nhân để khắc phục.
- Lắp phát sinh điện cho khách hàng nhân viên công ty phải thông báo các nội dung theo quy định của Công ty.
- Hàng năm Công ty có kế hoạch phát triển lưới điện đảm bảo cho các hộ khách hàng không bị quá tải. Phải có dự phòng trong phát triển hệ thống lưới điện.

### **1.4 Phiên họp hội đồng quản trị ngày 27/10/2018**

Thành phần: các thành viên HĐQT, Ban tổng giám đốc, trưởng ban kiểm soát, giám đốc xí nghiệp điện Vĩnh Bảo

Nội dung cuộc họp

-Trong phiên họp HĐQT đã xem xét báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm

- Hội đồng quản trị nhất trí với các chỉ tiêu chính của báo cáo:

- Nhất trí về công tác tổ chức, công tác sản xuất kinh doanh

Tuy nhiên vẫn còn một số mặt tồn tại như sau:

- Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động lắp công tơ phát sinh tại các ban quản lý điện còn chưa chặt chẽ, để xảy ra tình trạng CBCNV thực hiện sai nội quy, quy chế của Công ty đến mức phải kỷ luật, sa thải.

- Ghi chỉ số công tơ không chuẩn dẫn đến tổn thất một số trạm biến áp không ổn định, tổn thất tại một số trạm biến áp còn cao.

- Để xảy ra mất ATLD tại BQL Vĩnh Bảo 2.

- Hội đồng quản trị nhất trí với kế hoạch quý 4, nhất trí công tác tài chính, kinh doanh, Đầu tư, xây dựng TBA, cải tạo lưới điện,

### **Hội đồng quản trị nhất trí với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019**

-Doanh thu: 305 tỷ

-Doanh thu điện: 296,5 tỷ

-Doanh thu nước: 3,5 tỷ

-Doanh thu XD, DT khác: 5 tỷ

-Sản lượng: 154.000.000 Kw

-Tổn thất: 5,2%

-Lợi nhuận trước thuế: 16,5 tỷ

-Tỷ lệ chia cổ tức:  $\geq 20\%$

-Thu nhập bình quân: 8,7 triệu đồng/người/tháng.

-Xây dựng mới 06 trạm biến áp nâng công suất, Đầu tư hệ thống đường dây hạ thế- Đầu tư xây dựng văn phòng tại xã Hòa Bình, xã Vĩnh Quang, mua 01 căn hộ tại khu chung cư Hoàng Huy.

-Thực hiện dự án chuyển đổi mục đích đất tại 34 Thiên Lôi.

-Kế hoạch nguồn vốn đầu tư các hạng mục trên: 11 tỷ đồng

- Nhất trí giải thể xí nghiệp xây dựng điện nước, thành lập xí nghiệp Thủy Nguyên là sự cần thiết.



- Nhất trí kế hoạch tăng lương năm 2019.
- Nhất trí tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền mặt tỷ lệ 10% trong tháng 01 năm 2019.
- Dự kiến ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thứ 7 ngày 06/4/2019.

### **1.5 Phiên họp hội đồng quản trị ngày 19/02/2019**

Thành phần: các thành viên HĐQT, Ban tổng giám đốc, trưởng ban kiểm soát

Nội dung cuộc họp

- Trong phiên họp HĐQT đã xem xét báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch quý 1 năm 2019.

a) Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch quý I/2019, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực chỉ đạo điều hành của Ban giám đốc Công ty đạt được những kết quả:

- Hội đồng quản trị đánh giá cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018. Chỉ tiêu về doanh thu đạt 286 tỷ đồng tăng 31% so với năm 2017.

Về chỉ tiêu lợi nhuận tăng 48% so với năm 2017.

Tỷ lệ tổn thất điện năng đã giảm năm 2017: 6,1% đến năm 2018 còn 5,3% .

- Hội đồng quản trị thông qua công tác đầu tư, công tác quản lý và kế hoạch quý 1 năm 2019.

b) Hội đồng quản trị nhất trí với nội dung Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty

+ Tờ trình bổ nhiệm lại chức danh TGD và các phó TGD

+ Tờ trình Thành lập chi nhánh Hạ Long

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thao PTGD kiêm Giám đốc chi nhánh Hạ Long.

### **2. Ban Kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1.	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	13.640CP chiếm 0,33%
2.	Lâm Thị Lịch	Thành viên	263.491CP chiếm 6,4 %
3.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên kiêm thư ký	647CP chiếm 0,016 %

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

**\* Đánh giá chung hoạt động của Ban kiểm soát:**

- + Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018;
- + Giám sát việc thực hiện Quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, việc tuân thủ quy định của Pháp luật đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong quá trình hoạt động của Công ty;
- + Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh cả năm 2017 và giữa niên độ năm 2018;
- + Xem xét thực hiện và quyết toán các dự án đầu tư, việc thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục hồ sơ của dự án;
- + Xem xét việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- + Xem xét các quy trình, quy định và các văn bản ban hành của Ban Tổng Giám đốc và của Hội đồng quản trị Công ty.
- + Tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

**\*Năm 2018 Ban kiểm soát tổ chức 2 cuộc họp:**

**1. Ngày 11/03/2018 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau:**

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017
2. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty
3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý
4. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông
5. Một số nhận xét và kiến nghị
6. Kế hoạch làm việc của BKS năm 2018.

**2-Ngày 19/08/2018 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau**

1. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty 06 tháng đầu năm 2018.
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý.
3. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông.

**\*Kết quả của các cuộc họp của ban kiểm soát:**

Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều diễn ra tại trụ sở của Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Các thành viên của Ban kiểm soát đã tích cực nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất các nội dung của cuộc họp. Kết thúc cuộc họp đều lập thành biên bản; ý kiến tán thành 3/3 chiếm tỷ lệ 100%.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, Thưởng, Thù lao
1	Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	14.500.000
2	Đỗ Huy Đạt	Ủy viên HĐQT- Tổng GD	857.958.745
3	Lê Hữu Cảnh	Ủy viên HĐQT- Phó TGD	652.568.458
4	Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD	441.639.654
5	Lại Thị Vinh	Ủy viên HĐQT	95.500.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban kiểm soát	218.674.539
7	Lâm Thị Lịch	Thành viên Ban Kiểm soát	62.000.000
8	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	62.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Để từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị Công ty:

- + Xây dựng, ban hành các hệ thống quản lý, rà soát, bổ sung những nội dung của Quy định, quy chế không còn phù hợp.
- + Giám sát chặt chẽ, kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh
- + Các giải pháp, biện pháp đạt nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mặt chưa đạt, còn thiếu và yếu.
- + Chấp hành theo các Quy định của Nhà nước.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.527.247.671</b>	<b>41.735.653.223</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>17.346.116.360</b>	<b>3.440.887.778</b>
1. Tiền	111		7.346.116.360	3.440.887.778
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.898.253.008</b>	<b>21.788.266.673</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.680.157.364	8.101.680.120
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.070.870.160	4.281.892.716
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000	3.400.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.047.225.484	6.004.693.837
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>8.800.850.698</b>	<b>16.213.468.400</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.800.850.698	16.213.468.400
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>482.027.605</b>	<b>293.030.372</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	482.027.605	293.030.372
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.621.404.948</b>	<b>41.768.474.289</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>200.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		200.000.000	300.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.694.765.582</b>	<b>25.292.823.615</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.694.765.582	25.292.823.615
- Nguyên giá	222		73.202.291.964	64.707.326.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.507.526.382)	(39.414.502.912)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>2.954.270.218</b>	<b>13.010.888.045</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.954.270.218	13.010.888.045
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.772.369.148</b>	<b>3.164.762.629</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.772.369.148	3.164.762.629
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>77.148.652.619</b>	<b>83.504.127.512</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>25.670.948.656</b>	<b>43.877.405.650</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.670.948.656</b>	<b>43.877.405.650</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.824.570.804	6.505.681.361
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	3.858.875.548	20.572.179.201
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.511.294.873	1.254.356.815
4. Phải trả người lao động	314		289.852.396	245.277.336
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.902.990.142	3.082.849.083
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	4.148.364.893	5.017.061.854
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	5.120.000.000	7.200.000.000

<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.477.703.963</b>	<b>39.626.721.862</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>51.477.703.963</b>	<b>39.626.721.862</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.103.200.000	31.618.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.103.200.000	31.618.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.577.520	8.399.385
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.665.067.839	7.335.543.873
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.665.067.839	7.335.543.873
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>77.148.652.619</b>	<b>83.504.127.512</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>286.619.672.879</b>	<b>218.401.330.256</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>286.619.672.879</b>	<b>218.401.330.256</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	20	260.087.731.676	197.274.391.075
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>26.531.941.203</b>	<b>21.126.939.181</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		556.826.555	146.694.980
7. Chi phí tài chính	22		327.532.373	824.138.738
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		327.532.373	824.138.738
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.057.906.634	7.941.648.120
<b>9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>15.703.328.751</b>	<b>12.507.847.303</b>
10. Thu nhập khác	31	23	4.088.954.607	848.809.471
11. Chi phí khác	32		137.103.098	210.361.931
<b>12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.951.851.509</b>	<b>638.447.540</b>
<b>13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>19.655.180.260</b>	<b>13.146.294.843</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	3.983.913.621	2.648.858.970
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>15.671.266.639</b>	<b>10.497.435.873</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	4.695	3.132

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.655.180.260	13.146.294.843
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.093.023.470	4.503.911.955
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.295.514.356)	(146.694.980)
- Chi phí lãi vay	06	327.532.373	824.138.738
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.780.221.747	18.327.650.556
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	2.673.979.922	7.710.916.946
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	7.771.573.821	(1.716.490.923)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.903.748.922)	(2.028.558.608)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	1.428.540.566	25.867.158
- Tiền lãi vay đã trả	14	(327.532.373)	(824.138.738)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.881.557.925)	(2.716.000.549)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(655.602.271)	(465.359.067)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>19.885.874.565</b>	<b>18.313.886.775</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.111.614.281)	(10.246.157.440)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(3.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.400.000.000	1.450.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	472.860.298	213.197.020
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(738.753.983)</b>	<b>(11.782.960.420)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	27.390.000.000	57.830.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.470.000.000)	(59.859.925.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.161.892.000)	(5.691.524.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.241.892.000)</b>	<b>(7.721.449.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>13.905.228.582</b>	<b>(1.190.522.645)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.440.887.778</b>	<b>4.631.410.423</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>17.346.116.360</b>	<b>3.440.887.778</b>

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**



22

CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Trung Kiên*